

1



SCHEDULE TASK & INTERCEPTOR

GIẢNG VIÊN:

SCHEDULE TASKS

 TÌM HIỂU SCHEDULE TASKS

 TẠO SCHEDULE TASKS

 ÁP DỤNG SCHEDULE TASKS ĐỂ GIẢI QUYẾT

 XỬ LÝ RÁC TRONG CSDL

 XẾP MAIL VÀO HÀNG ĐỢI

 BACKUP DATABASE...

INTERCEPTOR

 TÌM HIỂU INTERCEPTOR

 TẠO INTERCEPTOR

 ÁP DỤNG INTERCEPTOR ĐỂ GIẢI QUYẾT

 GHI NHẬN THÔNG TIN CÁC REQUEST

 BẢO MẬT HỆ THỐNG





SCHEDULE TASK

- ❑ Trong Spring Boot, Schedule Task là cơ chế cho phép thực hiện các công việc được xếp lịch sẵn.
- ❑ Schedule Task thường đảm nhận những công việc phía hậu trường
 - ❖ Gửi email theo định kỳ, chiến dịch
 - ❖ Xóa dữ liệu
 - ❖ Vô hiệu hóa dữ liệu hết hiệu lực
 - ❖ Sao lưu dữ liệu...
- ❑ Với bản chất đó, Schedule Task tham gia vào việc chống ùn tắc các nhiệm vụ tốn nhiều thời gian rất hiệu quả, như gửi email.
 - ❖ Nhiệm vụ gửi email tốn nhiều thời gian, nếu nhiều user cùng thực hiện chức năng này cùng một thời điểm thì hệ thống rất dễ dẫn đến quá tải. Vì vậy cần xếp công việc gửi email vào hàng đợi, Schedule Task sẽ thực hiện từ từ ở phía hậu trường.

- ❑ Bước 1: Kích hoạt chế độ Schedule Task bằng @EnableScheduling trên file cấu hình chính của ứng dụng

```
@SpringBootApplication  
@EnableScheduling  
public class HelloApplication {...}
```

- ❑ Bước 2: Đặt lịch thực hiện cho một phương thức của một Spring Bean nào đó với @Scheduled

```
@Scheduled(fixedRate = 1000)  
public void run() {...}
```

- ❑ @Scheduled() được sử dụng để lên lịch trình cho một phương thức Spring Bean thực hiện
- ❑ @Scheduled() có các đối số chia thành 3 nhóm
 - ❖ Delay: Khoảng thời gian (mili giây) giữa kết thúc hoạt động trước và bắt đầu hoạt động sau
 - fixedDelay: long
 - fixedDelayString: String
 - ❖ Rate: Khoảng thời gian (mili giây) cố định giữa các lần thực hiện
 - fixedRate: long
 - fixedRateString: String
 - ❖ CRON: Biểu thức lịch trình thực hiện tùy biến
 - Cú pháp: “* * * ? * * *” = [giây] [phút] [giờ] ? [ngày] [tháng] [năm]
 - CRON có tính mềm dẻo nhưng thực sự phức tạp. Để xây dựng biểu thức này hãy sử dụng <https://www.freeformatter.com/cron-expression-generator-quartz.html>

❑ @Scheduled(fixedDelay = 3000, initialDelay = 5000)

- ❖ Thời gian chờ hoạt động tiếp sau là 3 giây
- ❖ Sau khi khởi động 5 giây thì lịch trình bắt đầu

❑ @Scheduled(fixedRate = 3000, initialDelay = 5000)

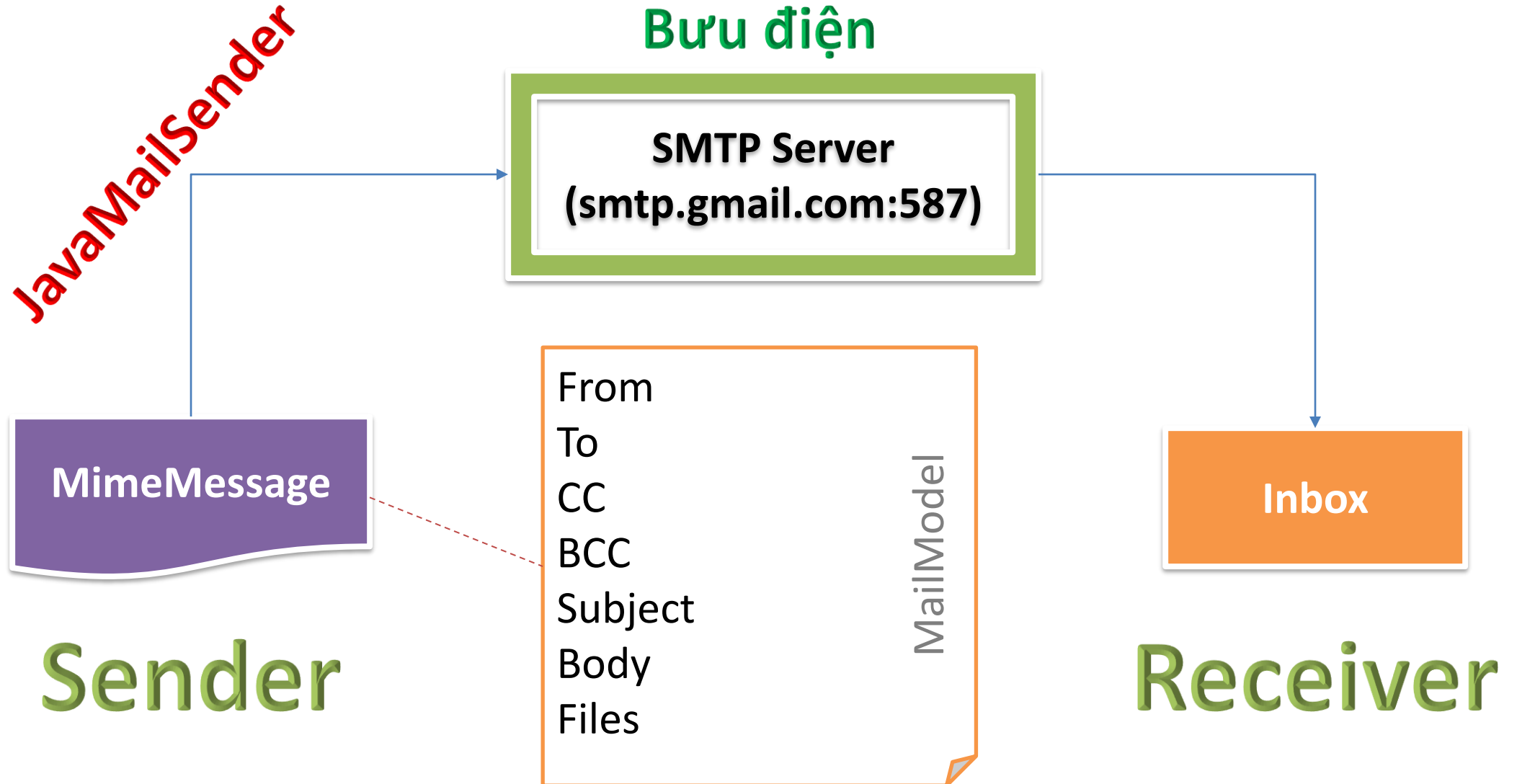
- ❖ Thời gian giữa các hoạt động là 3 giây
- ❖ Sau khi khởi động 5 giây thì lịch trình bắt đầu

❑ @Scheduled(cron = "0 * * * * MON-FRI", initialDelay = 5000)

- ❖ Giây đầu tiên của mỗi phút các ngày trong tuần (thứ 2 đến thứ 6)
- ❖ Sau khi khởi động 5 giây thì lịch trình bắt đầu



JAVA MAIL SENDER



```
<dependency>  
  <groupId>org.springframework.boot</groupId>  
  <artifactId>spring-boot-starter-mail</artifactId>  
</dependency>
```

```
#GMail Configuration for JavaMailSender  
spring.mail.host=smtp.gmail.com  
spring.mail.port=587  
spring.mail.username=<user@gmail.com>  
spring.mail.password=<*****>  
spring.mail.properties.mail.smtp.auth=true  
spring.mail.properties.mail.smtp.starttls.enable=true
```

Tài khoản gmail cần phải được kích hoạt mới được phép sử dụng gửi email qua ứng dụng (slide sau)

Less secure apps

<https://myaccount.google.com/lesssecureapps>

Google

Less secure apps

Some apps and devices use less secure sign-in technology, which makes your account more vulnerable. You can **turn off** access for these apps, which we recommend, or **turn on** access if you want to use them despite the risks. [Learn more](#)

Allow less secure apps: ON

Google Terms & Privacy Help

@Autowired

JavaMailSender sender;

@RequestMapping("/mail/send")

public void send(){

MimeMessage message = sender.createMimeMessage();

// ...viết thư (slide sau)

sender.send(message); // bỏ vào bưu điện

}

*Viết thư là công việc cung cấp vào **message** những thông tin như: **from, to, cc, bcc, subject, body, attachment files***

```
MimeMessageHelper helper = new MimeMessageHelper(message, true, "utf-8");  
helper.setFrom(mail.getFrom());  
helper.setTo(mail.getTo());  
helper.setSubject(mail.getSubject());  
helper.setText(mail.getBody(), true);  
helper.setReplyTo(mail.getFrom());  
for(String email: mail.getCc()) {  
    helper.addCc(email);  
}  
for(String email: mail.getBcc()) {  
    helper.addBcc(email);  
}  
for(File file: mail.getFiles()) {  
    helper.addAttachment(file.getName(), file);  
}
```

Lớp MimeMessageHelper giúp cung cấp những thông tin cần thiết vào message một cách nhanh chóng và đơn giản.

*Biến **mail** trong minh họa này là đối tượng của MailModel ở slide sau*

@Data @NoArgsConstructor @AllArgsConstructor

```
public class MailModel {  
    String from = "FPT Polytechnic <poly@gmail.com>";  
    String to;  
    String subject;  
    String body;  
    List<String> cc = new ArrayList<>();  
    List<String> bcc = new ArrayList<>();  
    List<File> files = new ArrayList<>();  
    public MailModel(String to, String subject, String body) {  
        super();  
        this.to = to;  
        this.subject = subject;  
        this.body = body;  
    }  
}
```

Lớp này nhằm mô tả thông tin đầy đủ nhất của một email.

Trong thực tế, đôi khi chỉ cần cung cấp người nhận, tiêu đề và nội dung.



XẾP HÀNG ĐỢI EMAIL

@Service

public class MailerService {

@Autowired

JavaMailSender sender;

List<MimeMessage> queue = **new** ArrayList<>();**public void** push(String to, String subject, String body) {MailModel mail = **new** MailModel(to, subject, body);**this**.push(mail);

}

public void push(MailModel mail) {...}

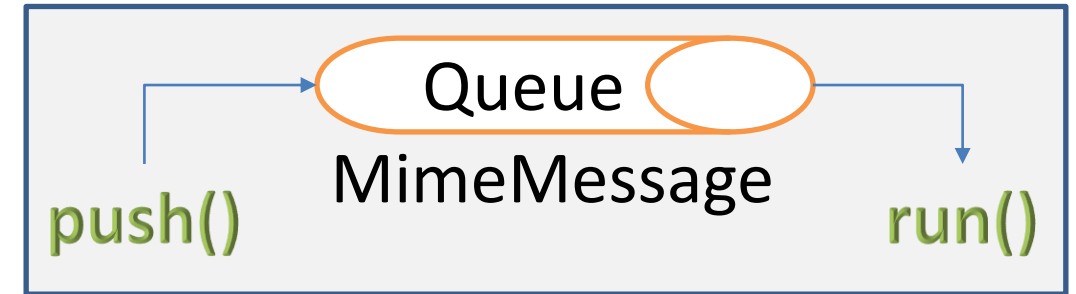
*Tạo MimeMessage và bỏ vào
queue*

@Scheduled(fixedDelay = 1000)

public void run() {...}

}

*Thực hiện lấy và gửi tất cả email trong
queue định kỳ sau mỗi giây.*




```
MimeMessage message = sender.createMimeMessage();
MimeMessageHelper helper = new MimeMessageHelper(message, true, "utf-8");
helper.setFrom(mail.getFrom());
helper.setTo(mail.getTo());
helper.setSubject(mail.getSubject());
helper.setText(mail.getBody(), true);
helper.setReplyTo(mail.getFrom());
for(String email: mail.getCc()) {
    helper.addCc(email);
}
for(String email: mail.getBcc()) {
    helper.addBcc(email);
}
for(File file: mail.getFiles()) {
    helper.addAttachment(file.getName(), file);
}
queue.add(message);
```

```
int success = 0, error = 0;
while(!queue.isEmpty()) {
    MimeMessage message = queue.remove(0);
    try {
        sender.send(message);
        success++;
    } catch (Exception e) {
        error++;
    }
}
System.out.printf(">> Sent: %d, Error: %d\r\n", success, error);
```

*Lấy MimeMessage
từ queue*

*Gửi MimeMessage
đến SMTP Server*

@Autowired

MailerService **mailer**;

@ResponseBody

@RequestMapping("/mailer/send")

public void send(){

mailer.push("user1@gmail.com", "Subject 1", "Content 1");

mailer.push("user2@gmail.com", "Subject 2", "Content 2");

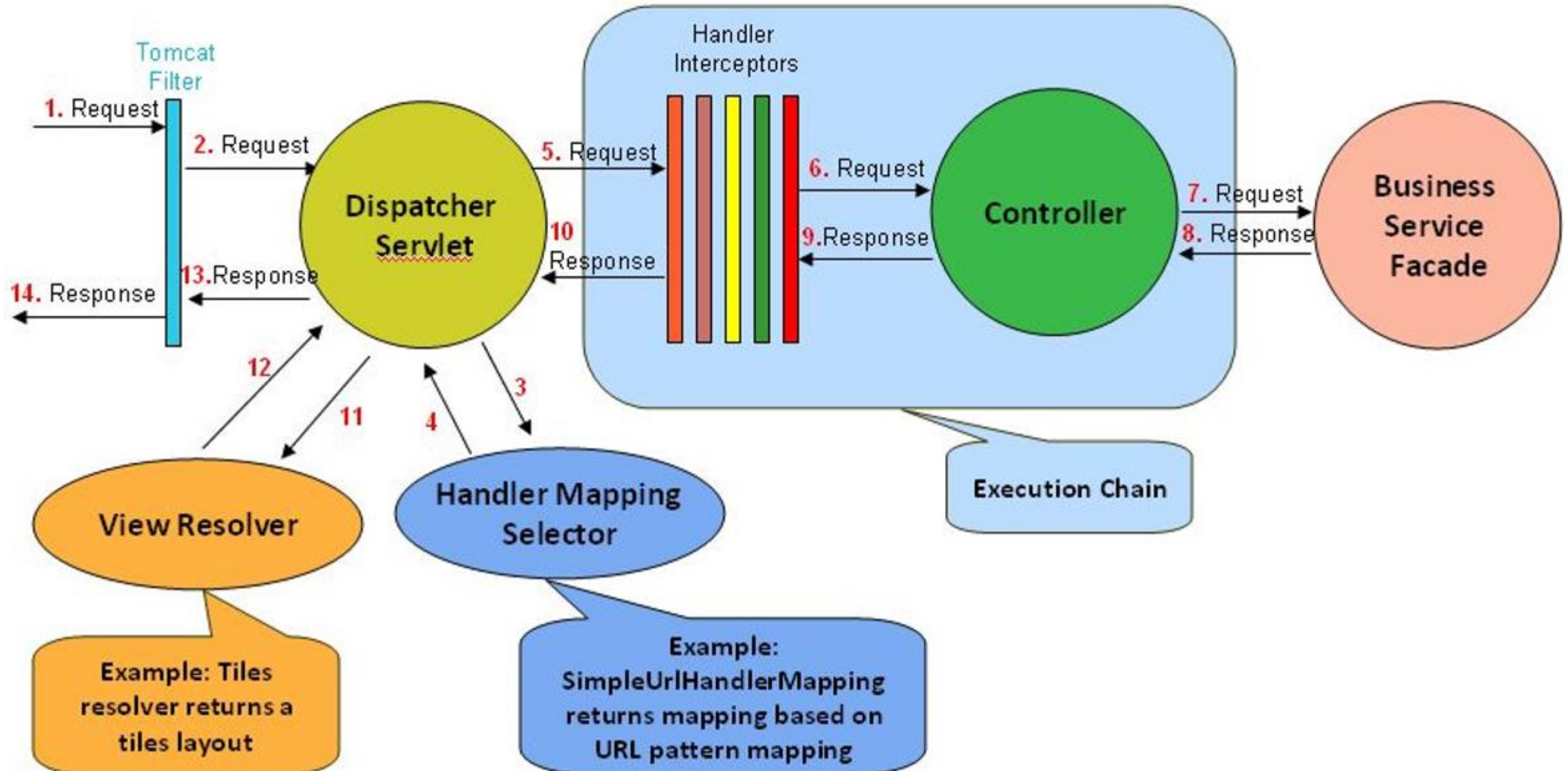
}

Tiêm MailerService => gọi push() để đưa vào queue.



INTERCEPTOR

GIẢNG VIÊN:



@Component

public class MyInterceptor **implements** *HandlerInterceptor* {

 @Override

public boolean *preHandle*(HttpServletRequest req,
 HttpServletRequest resp, Object handler) **throws** Exception {
 return true;

true: cho đi tiếp đến controller

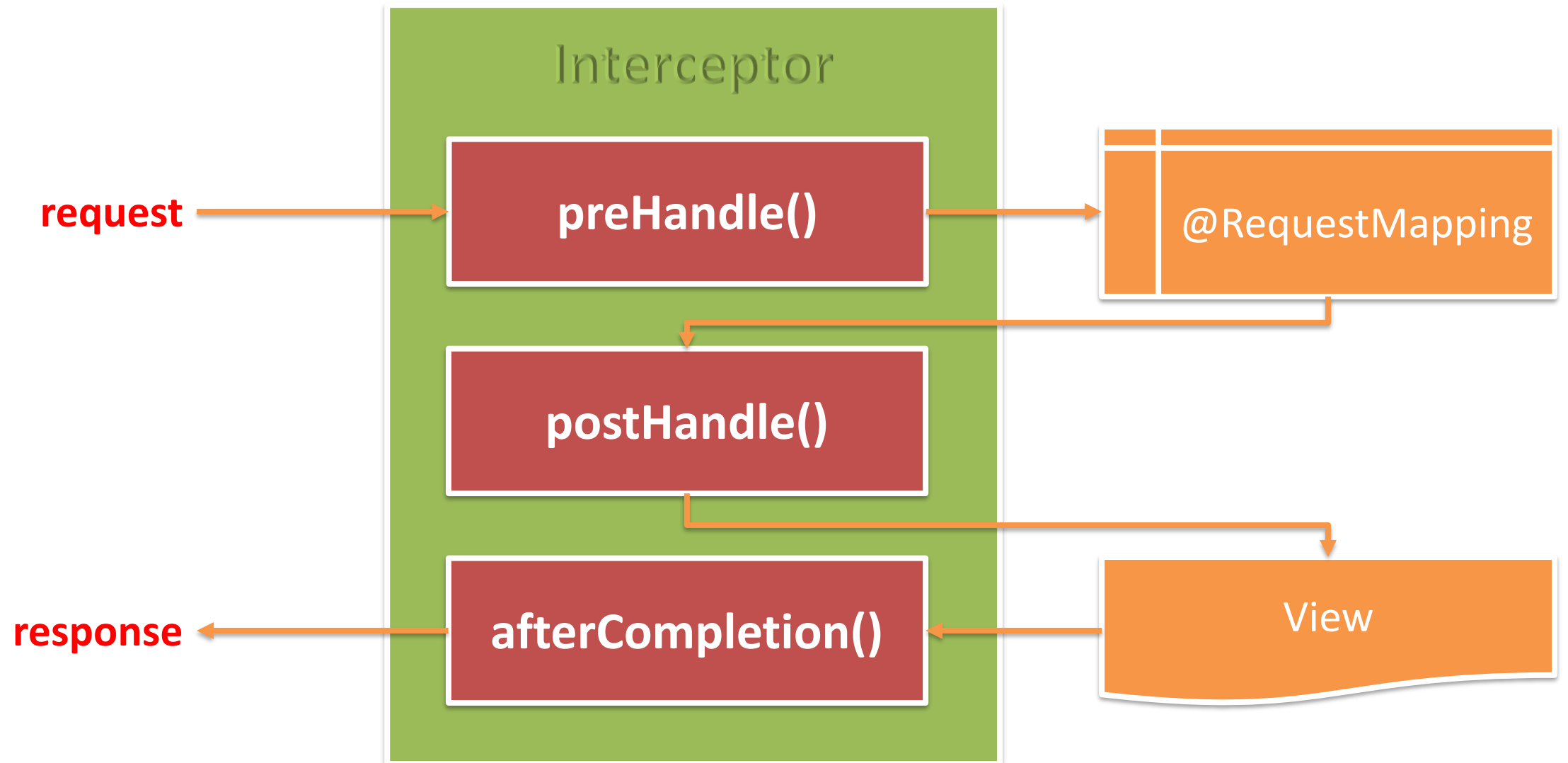
 @Override

public void *postHandle*(HttpServletRequest req, HttpServletResponse resp,
 Object handler, ModelAndView modelAndView) **throws** Exception {
 }

 @Override

public void *afterCompletion*(HttpServletRequest req,
 HttpServletResponse resp, Object handler, Exception ex) **throws** Exception {
 }

}



@Component

public class LoggerInterceptor **implements** *HandlerInterceptor* {

 @Override

public boolean *preHandle*(HttpServletRequest req,
 HttpServletResponse resp, Object handler) **throws** Exception {
 System.out.println("*preHandle*()->" + req.getRequestURI());
 return true;
 }

 @Override

public void *postHandle*(HttpServletRequest req, HttpServletResponse resp,
 Object handler, ModelAndView modelAndView) **throws** Exception {
 System.out.println("*postHandle*()->" + req.getRequestURI());
 }

 @Override

public void *afterCompletion*(HttpServletRequest req,
 HttpServletResponse resp, Object handler, Exception ex) **throws** Exception {
 System.out.println("*afterCompletion*()->" + req.getRequestURI());
 }

}

- ❑ Cấu hình interceptor là để chỉ ra các địa chỉ URL nào bị lọc bởi interceptor.

@Configuration

public class InterceptorConfig **implements** WebMvcConfigurer{

@Autowired

LoggerInterceptor interceptor;

@Override

public void addInterceptors(InterceptorRegistry registry) {

registry.addInterceptor(interceptor)

.addPathPatterns("/**")

.excludePathPatterns("/assets/**");

}

}

*Lọc tất cả các URI ngoại trừ
các URI bắt đầu bởi /assets/*



AUTHENTICATION INTERCEPTOR

@Configuration

public class InterceptorConfig **implements** WebMvcConfigurer{

@Autowired

AuthInterceptor interceptor;

@Override

public void addInterceptors(InterceptorRegistry registry) {

registry.addInterceptor(interceptor)

.addPathPatterns("/order/**", "/account/change", "/account/edit/**")

.addPathPatterns("/admin/**")

.excludePathPatterns("/assets/**", "/admin/home/index");

}

}

@Component

public class AuthInterceptor **implements** HandlerInterceptor {

 @Override

public boolean preHandle(HttpServletRequest req,
 HttpServletResponse resp, Object handler) **throws** Exception {

if(req.getSession().getAttribute("user") == **null**) {

 req.getSession().setAttribute("secureUri", req.getRequestURI());

 resp.sendRedirect("/account/login");

return false;

 }

return true;

 }

}

☑ SCHEDULE TASKS

- ☑ TÌM HIỂU SCHEDULE TASKS
- ☑ TẠO SCHEDULE TASKS
- ☑ ÁP DỤNG SCHEDULE TASKS ĐỂ GIẢI QUYẾT
 - ☑ XỬ LÝ RÁC TRONG CSDL
 - ☑ XẾP MAIL VÀO HÀNG ĐỢI
 - ☑ BACKUP DATABASE...

☑ INTERCEPTOR

- ☑ TÌM HIỂU INTERCEPTOR
- ☑ TẠO INTERCEPTOR
- ☑ ÁP DỤNG INTERCEPTOR ĐỂ GIẢI QUYẾT
 - ☑ GHI NHẬN THÔNG TIN CÁC REQUEST
 - ☑ BẢO MẬT HỆ THỐNG





FPT Education

FPT POLYTECHNIC

Thank you